

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

MỞ RỘNG VỐN TỪ : Ý CHÍ – NGHỊ LỰC

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nắm được một số từ, một số câu tục ngữ nói về ý chí, nghị lực của con người.
2. Biết cách sử dụng các từ ngữ nói trên.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

Bốn, năm tờ giấy to mở rộng đã viết nội dung BT1, 3.

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – KIỂM TRA BÀI CŨ : GV kiểm tra 2 HS làm miệng BT trong tiết LTVC (Tính từ).

- HS 1 làm miệng BT.III.1a hoặc 1b (Tìm tính từ trong đoạn văn).
- HS2 làm miệng BT.III.2. (Đặt 1 câu có dùng tính từ).

B – DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC cần đạt của tiết học.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập

Bài tập 1

– HS đọc yêu cầu của bài, suy nghĩ, làm bài cá nhân hoặc trao đổi theo cặp. GV phát phiếu cho một vài nhóm.

– Đại diện nhóm trình bày kết quả làm bài. Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng.

– HS làm bài vào vở theo lời giải đúng :

Chí có nghĩa là rất, hết sức (biểu thị mức độ cao nhất).	chí phải, chí lí, chí thân, chí tình, chí công
Chí có nghĩa là ý muốn bền bỉ theo đuổi một mục đích tốt đẹp.	ý chí, chí khí, chí hướng, quyết chí

246

a) Lửa thử vàng, gian nan thử sức.	Đừng sợ vất vả, gian nan. Gian nan, vất vả thử thách con người, giúp con người vững vàng, cứng cỏi hơn.
b) Nước lã mà vã nên hồ / Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan.	Đừng sợ bắt đầu từ hai bàn tay trắng. Những người từ tay trắng mà làm nên sự nghiệp càng đáng kính trọng, khâm phục.
c) Có vất vả mới thanh nhân / Không đung ai dễ cảm tằn che cho.	Phải vất vả mới có lúc thanh nhân, có ngày thành đạt.

3. Củng cố, dặn dò : GV nhận xét tiết học. Yêu cầu HS về nhà HTL 3 câu tục ngữ.

Bài tập 2

- HS đọc yêu cầu của bài, suy nghĩ, làm bài cá nhân.
- HS phát biểu ý kiến. Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại : Dòng b (*Sức mạnh tinh thần làm cho con người kiên quyết trong hành động, không lùi bước trước mọi khó khăn*) – nêu đúng nghĩa của từ *ngộ lực*.

– GV giúp HS hiểu thêm các nghĩa khác :

- | | |
|---------------------------------------|--|
| a) Làm việc liên tục, bền bỉ | là nghĩa của từ <i>kiên trì</i> |
| c) Chắc chắn, bền vững, khó phá vỡ | là nghĩa của từ <i>kiên cố</i> |
| d) Có tình cảm rất chân tình, sâu sắc | là nghĩa của từ <i>chí tình, chí nghĩa</i> |

Bài tập 3

– GV nêu yêu cầu của bài tập ; nhắc HS chú ý : cần điền 6 từ đã cho vào 6 chỗ trống trong đoạn văn sao cho hợp nghĩa.

– HS đọc thầm đoạn văn, làm bài cá nhân hoặc trao đổi theo cặp. GV phát phiếu và bút dạ riêng cho một vài em.

– Những HS làm bài trên phiếu trình bày kết quả – đọc đoạn văn. Trọng tài chấm điểm từng bài, cùng GV chốt lại lời giải đúng :

Nguyễn Ngọc Ký là một thiếu niên giàu *ngộ lực*. Bị liệt cả hai tay, em buồn nhưng không *nản chí*. Ở nhà, em tự tập viết bằng chân. *Quyết tâm* của em làm cô giáo cảm động, nhận em vào học. Trong quá trình học tập, cũng có lúc Ký thiếu *kiên nhẫn*, nhưng được cô giáo và các bạn luôn tận tình giúp đỡ, em càng *quyết chí* học hành. Cuối cùng, Ký đã vượt qua mọi khó khăn. Tốt nghiệp một trường đại học danh tiếng, Nguyễn Ngọc Ký đạt *nguyện vọng* trở thành thầy giáo và được tặng danh hiệu cao quý Nhà giáo Ưu tú.

Bài tập 4

– Một HS đọc nội dung BT4 (đọc cả các từ được chú thích).

– Cả lớp đọc thầm lại 3 câu tục ngữ, suy nghĩ về lời khuyên nhủ trong mỗi câu.

– GV giúp HS hiểu nghĩa đen của từng câu tục ngữ :

- | | |
|------------------------------------|---|
| a) Lửa thử vàng, gian nan thử sức. | Vàng phải thử trong lửa mới biết vàng thật hay giả. Người phải thử thách trong gian nan mới biết ngộ lực, biết tài năng. |
| b) Nước lã mà vã nên hồ... | Từ nước lã mà làm thành hồ (bột loãng hoặc vữa xây nhà), từ tay không (không có gì) mà dựng nổi cơ đồ mới thật tài giỏi, ngoan cường. |
| c) Có vất vả mới thanh nhàn... | Phải vất vả lao động mới gặt hái được thành công. Không thể tự dung mà thành đạt, được kính trọng, có người hầu hạ, cảm tận cảm lộng che cho. |

– Từ việc nắm nghĩa đen của từng câu tục ngữ, HS phát biểu về lời khuyên nhủ gửi gắm trong mỗi câu. GV nhận xét, chốt lại ý kiến đúng :